



Working Paper 2021.1.2.14
– Vol 1, No 2

**PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC SỬ DỤNG RƯỢU BIA CỦA SINH VIÊN
TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI TP.HCM ĐẾN KẾT QUẢ HỌC TẬP**

Phan Văn Khoa, Đàm Huy Thông¹, Hoàng Vĩnh Long

Sinh viên K56 Tài chính quốc tế

Cơ sở II Trường Đại học Ngoại thương tại TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nguyễn Trần Sỹ

Giảng viên Bộ môn Cơ sở - Cơ bản

Cơ sở II Trường Đại học Ngoại thương tại TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tóm tắt

Kết quả học tập ảnh hưởng đáng kể đến sự thăng tiến học vấn, cơ hội nghề nghiệp và kết quả cuộc sống. Mức độ sử dụng chất kích thích ở các sinh viên đại học và ảnh hưởng tới thành tích học tập vẫn chưa được khám phá sâu rộng. Chúng tôi đã kiểm tra điểm trung bình (GPA) tại thời điểm sử dụng rượu bia của sinh viên đại học kinh tế trong 4 năm đại học. Phân tích hiệp phương sai đã kiểm tra sự tương quan của việc sử dụng rượu bia tới điểm trung bình tích lũy của sinh viên đại học và kết luận rằng những người uống rượu có điểm trung bình trung bình thấp hơn so với những người không uống rượu bia.

Từ khóa: rượu bia, kết quả học tập, sinh viên đại học, điểm trung bình, người uống rượu.

**THE EFFECTS OF STUDENT'S ALCOHOL USE AT SOME UNIVERSITIES IN
HCMC ON ACADEMIC ACHIEVEMENT**

Abstract

Academic performance significantly influences educational advancement, career opportunities, and life outcomes. The extent to which college student adolescent substance use affect academic achievement has not been extensively explored. We examined grade point average (GPA) at the time alcohol use of economic college student in 4 years of college. Covariance analysis examined the similarity of alcohol use to the cumulative GPA of college students and concluded that drinkers had lower GPAs compared to non-drinkers.

Key words: alcohol, academic achievement, college student, GPA, drinker.

1. Đặt vấn đề

Sử dụng rượu bia mang đậm nét văn hoá truyền thống tại nhiều quốc gia trong đó có Việt

¹ Tác giả liên hệ, Email: thongdam.ftu2@gmail.com

Nam. Song rượu bia lại là chất kích thích, gây nghiện vì vậy người sử dụng rất dễ bị lệ thuộc với mức độ dung nạp ngày càng nhiều dẫn đến tình trạng lạm dụng rượu bia. Lạm dụng rượu bia gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng cho sức khỏe cộng đồng và trật tự an toàn xã hội. Việt Nam là một trong những nước đang phát triển cũng có tỷ lệ tiêu thụ rượu bia tăng cao đáng kể trong những năm gần đây. Trong các thành phần dân số sử dụng rượu bia, sinh viên là một trong những nhân tố đáng để quan tâm theo Lưu và Nguyễn (2018). Tỷ lệ sử dụng rượu bia của sinh viên được thể hiện rõ trong tạp chí Y Học Dự Phòng năm 2015. Theo đó, tỉ lệ sử dụng rượu bia của sinh viên tại TP. Hồ Chí Minh lên tới 80%, với trung bình một lần uống là 3,2 cốc bia, một con số không nhỏ với sinh viên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó bao gồm cả sinh viên ngành kinh tế trên địa bàn thành phố.

Ở thời điểm hiện tại, việc sử dụng rượu bia trở nên quá bình thường ở xã hội thậm chí là một môi trường giáo dục. Tại Trường Đại học Ngoại Thương Cơ sở II, một nhóm bạn trẻ đã khảo sát và nghiên cứu những tác động của rượu bia tới sinh viên, cụ thể là kết quả học tập của sinh viên tại Trường. Qua đó có thể thấy những mặt tích cực và tiêu cực của rượu bia tới sinh viên dẫn tới có sự ảnh hưởng đối với kết quả học tập. Qua đó ta có thể nhìn nhận lại cách sử dụng rượu bia của sinh viên cũng như của chính bản thân chúng ta.

Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

Định nghĩa các mức độ sử dụng cồn

Theo tiêu chuẩn NHS đưa ra, 1 đơn vị rượu tương đương với 1 ly hay 1 shot rượu mạnh 25ml (độ cồn 40%). Nếu dùng rượu vang tiêu chuẩn 12 độ, mỗi ly nhỏ 125ml tương ứng với 1,5 đơn vị rượu; một lon bia 330ml, độ cồn 5% tính là 1,7 đơn vị (Theodore & Notre, 1976).

Uống rượu bia vừa phải: uống vừa phải là tối đa 1 ly mỗi ngày đối với phụ nữ và tối đa 2 ly mỗi ngày đối với nam giới.

- Uống rượu bia say xỉn: được định nghĩa là một kiểu uống rượu làm cho nồng độ cồn trong máu (BAC) tăng lên 0,08 % - hoặc 0,08 gam cồn trên mỗi decilit hoặc cao hơn. Đối với một người trưởng thành điển hình, mô hình này tương ứng với việc tiêu thụ 5 ly trở lên (nam), hoặc 4 ly trở lên (nữ), trong khoảng 2 giờ;

- Sử dụng rượu bia mức độ nặng: được định nghĩa là nhiều hơn 4 ly vào bất kỳ ngày nào đối với nam giới hoặc hơn 3 ly đối với phụ nữ hoặc là uống rượu quá độ từ 5 ngày trở lên trong tháng qua;

- Các hình thức uống rượu liên quan đến Rối loạn Sử dụng Rượu (AUD): Uống rượu quá mức và sử dụng rượu nặng có thể làm tăng nguy cơ mắc chứng rối loạn sử dụng rượu ở một người.

Định nghĩa điểm trung bình GPA

GPA viết tắt của Grade point Average là điểm trung bình được tính toán theo các điểm chữ cái đạt được của các môn học ở trường theo thang điểm từ 0 đến 4,0 (Idoki và cộng sự, 2015). Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ. Điểm học phần của sinh viên được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân sau đó được chuyển thành điểm chữ cái như sau: A (8,5 - 10); B (7,0 - 8,4); C (5,5 - 6,9); D (4,0 - 5,4); F (dưới 4,0). Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua

điểm số như sau: A tương ứng với 4; B tương ứng với 3; C tương ứng với 2; D tương ứng với 1; D tương ứng với 0.

Cơ sở lý thuyết

Một số nhà nghiên cứu đã phát hiện ra rằng có mối liên hệ giữa việc uống rượu bia và kết quả học tập giảm sút, bao gồm cả điểm trung bình thấp. Nhậu nhẹt có thể rất phổ biến trong khuôn viên trường đại học bởi vì sinh viên phải chịu trách nhiệm về lịch trình và quyết định của mình. Piazza-Gardner, (2016), đã thực hiện một nghiên cứu để đánh giá xem việc uống rượu có liên quan tiêu cực đến điểm trung bình hay không, bằng cách sử dụng mẫu đại diện quốc gia là sinh viên đại học. Nghiên cứu của cô cho thấy rằng những người trả lời có điểm trung bình thấp hơn tiêu thụ nhiều đồ uống hơn so với những người có điểm trung bình cao hơn. Howland và cộng sự (2010) các nhà nghiên cứu phát hiện ra rằng uống rượu bia có liên quan đến kết quả học tập thấp hơn. Trong nghiên cứu, họ đã phỏng vấn 196 sinh viên đại học và phát hiện ra rằng uống rượu ảnh hưởng đến tâm trạng, sự chú ý và thời gian phản ứng vào sáng hôm sau dẫn đến giảm hiệu suất làm bài thi.

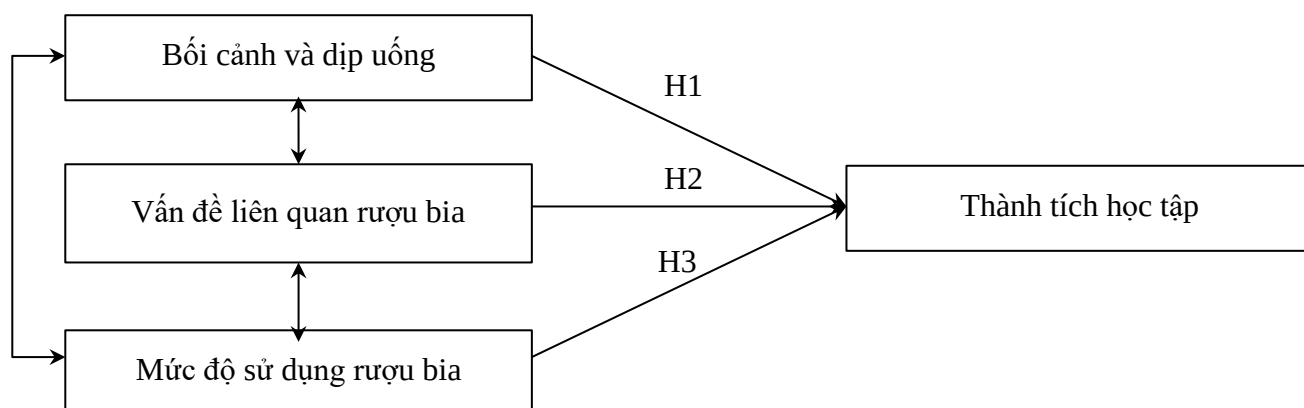
Ansari, Stock & Mills (2013), đã nghiên cứu xét các mối liên quan được đánh giá giữa thành tích giáo dục và việc uống rượu bia. Walid sử dụng các biến độc lập tiêu thụ rượu (khoảng thời gian và lượng tiêu thụ trong lần uống rượu gần đây nhất, tần suất uống rượu, uống nhiều lần, uống có vấn đề,...); và ba biến cho thành tích giáo dục (tầm quan trọng chủ quan của sinh viên trong việc đạt điểm tốt, đánh giá kết quả học tập của sinh viên so với các bạn cùng lứa tuổi, điểm học phần thực tế của sinh viên). Và thu được kết quả rằng nam giới có liên quan tích cực với tất cả năm biện pháp tiêu thụ rượu. Tuổi tác có liên quan tiêu cực đến ba biện pháp tiêu thụ rượu. Trong khi tầm quan trọng của điểm tốt của học sinh có liên quan tiêu cực đến ba biện pháp tiêu thụ rượu, kết quả học tập so với các bạn cùng lứa lại có liên quan tiêu cực với việc uống nhiều rượu liên tục. Và đưa ra kết luận “Uống rượu cho thấy mối liên hệ tiêu cực với động lực và thành tích học tập một cách chủ quan. Các hoạt động phòng chống rượu ở trường đại học có thể có tác động tích cực đến thành tích học tập của sinh viên.”

Các giả thuyết nghiên cứu:

H1: Bối cảnh và dịp uống rượu, bia tương quan tuyến tính thuận chiều đến kết quả học tập tệ của sinh viên.

H2: Các vấn đề liên quan rượu, bia tương quan tuyến tính thuận chiều đến kết quả học tập tệ của sinh viên.

H3: Mức độ sử dụng rượu, bia tương quan tuyến tính thuận chiều đến kết quả học tập tệ của sinh viên.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Nguồn: Paschall & Freisthler, Prevention Research Center (2003)

2. Phương pháp nghiên cứu

Bối cảnh và dịp uống, vấn đề liên quan rượu bia, mức độ sử dụng rượu bia và thành tích học tập lần lượt được viết tắt là DO (Drinking Opportunities), ARP (Alcohol-related problems), HU (Heavy alcohol use) và AP (Academic perfomance). Mối quan hệ giữa DO, ARP, HU và AP đã được xác minh bằng mô hình phương trình cấu trúc (SEM - Structural equation modeling) bằng cách sử dụng AMOS 20.0.

Các bước dưới đây được đánh giá thông qua SPSS 20. Bước đầu tiên là sử dụng thống kê mô tả để xem xét các đặc điểm nhân khẩu học của những người tham gia và xác định phương tiện và độ lệch chuẩn của các biến khác nhau trong mỗi nhân tố. Bước thứ hai là chỉ ra độ tin cậy của mô hình này bằng Cronbach's alpha (CA). Quá trình kiểm tra tính hợp lệ bao gồm phân tích nhân tố khám phá (EFA) để xác định mức độ và mức độ mối quan hệ giữa các biến quan sát và các nhân tố cơ sở. Hệ số tải tiêu chuẩn hóa của mọi hạng mục đo lường được áp dụng trong EFA bằng cách sử dụng phương pháp chiết tách Hệ số theo trục chính và Promax với phương pháp quay vòng Chuẩn hóa Kaiser. Tiếp theo, AMOS 20.0 được sử dụng để trích xuất phân tích yếu tố khẳng định (CFA) để kiểm tra xem liệu có một mô hình lý thuyết trước đó làm cơ sở cho một tập hợp các quan sát hay không. Độ tin cậy tổng hợp (CR) và phương sai trung bình trích xuất (AVE) của mọi yếu tố được tính toán thông qua máy tính web sử dụng dữ liệu trọng số hồi quy chuẩn hóa để chỉ ra thêm độ tin cậy của mô hình này (CR) và tính hợp lệ hội tụ (AVE). Trong bước tiếp theo, mô hình được kiểm tra thông qua ngưỡng khuyến nghị của SEM bao gồm: χ^2 / df (tỷ lệ giữa chi bình phương với bậc tự do), CFI > 0,9 (chỉ số phù hợp so sánh) GFI (chỉ số phù hợp), RMSEA (sai số trung bình căn bậc hai của phép xấp xỉ) và TLI (chỉ số Tucker-Lewis). Sau đó, các mối quan hệ giữa năm yếu tố đã được xác nhận và báo cáo về các kết quả kiểm tra giả thuyết đã được chuyển giao.

3. Kết quả nghiên cứu

Độ tin cậy và mức ý nghĩa

Để xác nhận tính hợp lệ hội tụ của dữ liệu, nghiên cứu đã sử dụng EFA và CFA. Theo kết quả EFA, không có biến bị loại bỏ vì hệ số tải nhân tố của chúng cao hơn 0,50 (Fornell & Larcker, 2012) và dao động từ 0,619 đến 0,913. Sau đó, các biến giữ lại được kiểm tra bởi CFA. Phương sai trung bình được trích xuất (AVE) được chia tỷ lệ từ 0,531 đến 0,618. Sau khi thử nghiệm, tất

cả các công trình đều có chỉ số cao hơn điểm chuẩn được đề xuất là 0,50 theo Fornell & Larcker (2012). Vì vậy, có thể thấy rằng nghiên cứu có giá trị hội tụ mạnh mẽ của các hạng mục đo lường.

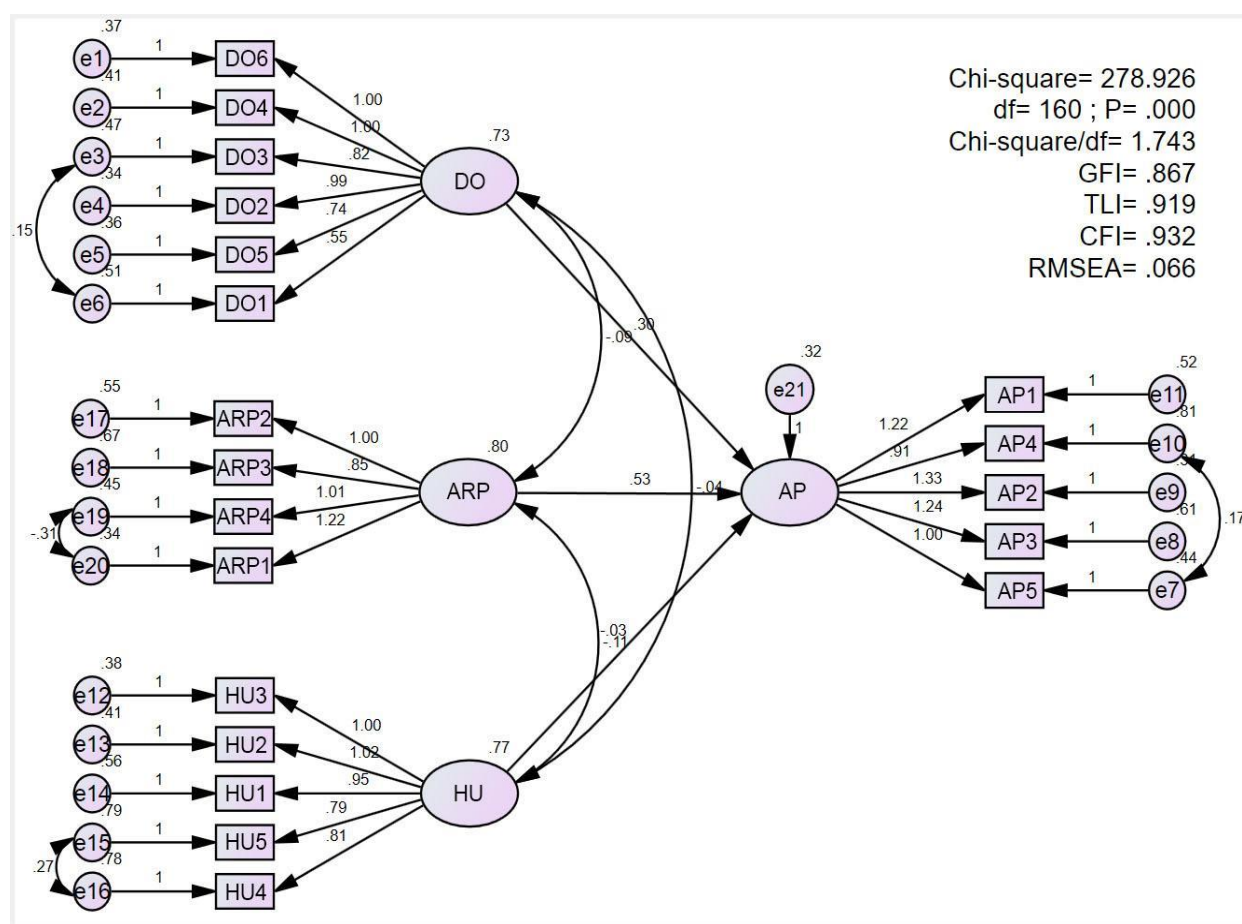
CA đã được tiến hành để kiểm tra tính nhất quán của các hạng mục bên trong của mỗi cấu trúc. CA thay đổi từ 0,847 đến 0,884. Có thể thấy điểm CA không thấp hơn 0,60 tương đồng nghiên cứu của theo Shi & Wang (2020). CR dao động từ 0,847 đến 0,880 và cao hơn 0,7 và AVE. Do đó, độ tin cậy của cấu trúc đã được xác nhận.

Mô hình cấu trúc

Mô hình cấu trúc được thiết lập bằng cách áp dụng AMOS 20.0. Kết quả trong Bảng 4 cho thấy sự phù hợp với mô hình có thể chấp nhận được thông qua các giá trị này $\chi^2 = 278,962$, $\chi^2 / df = 1,743$, CFI = 0,932, GFI = 0,867, RMSEA = 0,066 và TLI = 0,919. Mọi thống kê đều nằm trong giới hạn được đề xuất, cho thấy tính phù hợp tốt của mô hình được tư vấn với dữ liệu (Jöreskog, 1969; Brown & Cudeck, 1993 và William & Barry, 2010).

Kiểm tra giả thuyết

Hệ số đường chuẩn hóa của DO và ARP chỉ ra rằng DO ($\beta = 0,305$, $p < 0,001$) và ARP ($\beta = 0,531$, $p < 0,001$) ảnh hưởng tích cực và đáng kể đến biến kết quả học tập. Nó được giải thích bằng các chỉ số hệ số đường dẫn chuẩn hóa (β) trong Bảng 5, nghĩa là DO tăng đơn vị đã làm tăng AP của học sinh thêm 0,305 đơn vị; và ARP tăng đơn vị đã làm tăng AP của học sinh thêm 0,531 đơn vị. Tuy nhiên, HU ($\beta = -0,029$, $p = 0,631$) không ảnh hưởng tích cực đến AP. Kết quả hỗ trợ giả thuyết H1 và H2 trong khi bác bỏ H3.



Hình 2. Mô hình SEM

Giả Thuyết	Hướng tương quan	Hệ số đường dẫn chuẩn hóa (β)	p	Kết quả
H1	DO $\rightarrow$ AP	0.305	***	ng hộ
H2	ARP $\rightarrow$ AP	0.531	***	ng hộ
H3	HU $\rightarrow$ AP	-0.029	.631	không ủng hộ

Lưu ý: *** có ý nghĩa $p < 0.001$.

Bảng 3. Các trọng số hồi quy chuẩn hóa của giả thuyết phân tích

Thảo luận nghiên cứu

Các phát hiện chỉ ra rằng bối cảnh uống rượu, bia ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên với giá trị p -value < 0.001 . Bên cạnh đó, hệ số đường dẫn chuẩn bằng 0,305, do đó bối cảnh sử dụng rượu, bia có tác động đến kết quả học tập của sinh viên.

Theo kết quả, những vấn đề liên quan tới việc sử dụng rượu, bia có tác động đáng kể nhất đến kết quả học tập của sinh viên. Với giá trị p -value $< 0,001$ và hệ số đường dẫn chuẩn là 0,531, nó có ảnh hưởng đến kết quả học tập mạnh hơn so với Bối cảnh sử dụng rượu, bia. Phát hiện này cho thấy rằng tác động của những vấn đề liên quan tới việc sử dụng rượu, bia tới kết quả học tập là rất đáng kể.

Trong nghiên cứu này kết quả của hệ số đường dẫn chuẩn hóa của mức độ sử dụng rượu, bia bằng -0.029 tiết lộ rằng mức độ sử dụng rượu, bia không phải là một yếu tố tác động quan trọng quyết định đáng kể với kết quả học tập của sinh viên.

4. Kết luận

Nhóm tác giả đã nghiên cứu các yếu tố liên quan tới việc sử dụng rượu bia của sinh viên tại một số trường đại học tại TP.Hồ Chí Minh ảnh hưởng đến kết quả học tập. Trong ba giả thuyết, DO và ARP là hai yếu tố ảnh hưởng tới kết quả học tập của sinh viên.

Kết quả nghiên cứu đã góp phần khẳng định các nhận định đề xuất, tuy nhiên, kết quả học tập của sinh viên phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau nên tùy thuộc vào từng điều kiện thực tế của từng đơn vị đào tạo, cần có sự điều chỉnh khái niệm và thang đo cho phù hợp. Thông qua nghiên cứu này, các nhà quản lý, giảng viên và phụ huynh có thể hiểu được các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên từ đó có giải pháp để nâng cao chất lượng dạy và học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại học.

Hạn chế nghiên cứu

Không thể từ chối rằng nghiên cứu này vẫn còn một số thiếu sót. Do hạn chế về thời gian, nhóm tác giả không thể thu thập đủ số lượng bài báo cần thiết để phân tích nghiên cứu. Do đó, việc phân tích giữa các nhóm đối tượng như giới tính, chuyên ngành học không thể thực hiện được do có nhiều sai sót phát sinh trong quá trình phân tích dữ liệu. Cuối cùng, tỷ lệ mẫu của nghiên cứu này khá nhỏ so với số sinh viên ở TP. Hồ Chí Minh. Do đó, có thể kết quả nghiên cứu này không thể đại diện cho các hành vi của tổng thể. Các vấn đề trên sẽ được phát hiện trong nghiên cứu trong tương lai của các tác giả.

Tài liệu tham khảo

- Balsa, A.I., Giuliano, L.M. & French, M.T. (2011), “The effects of alcohol use on academic achievement in high school”, *Economics of education review*, Vol. 30 No. 1, pp. 1 - 15.
- Black, W.C., Babin, B.J. & Anderson, R.E. (2010), “Multivariate data analysis: A global perspective”, *Pearson*.
- Brown, M. W. & Cudeck, R. (1993), “Alternative Ways of Assessing Model Fit. In K. A. Bollen, & J. S. Long (Eds.)”, *Testing Structural Equation Models*, pp. 136-162.
- Brown, M.W. & Cudeck, R. (1993), “Alternative Ways of Assessing Model Fit”, In K. A. Bollen, & J. S. Long (Eds.), *Testing Structural Equation Models*, pp. 136 - 162.
- El Ansari, W., Stock, C. & Mills, C. (2013), “Is alcohol consumption associated with poor academic achievement in university students?”, *International journal of preventive medicine*, Vol. 4 No. 10, p. 1175.
- Fornell C. & Larcker D.F. (2012), “Evaluating Structural Equation Models with Unobservable Variables and Measurement”, *Journal of marketing research*, Vol. 18 No. 1, pp. 39 - 50.
- Hair J.F., Black W.C., Babin B.J. & Anderson R.E. (2009), *Multivariate Data Analysis. 7th ed*, Pearson education, Pearson.
- Hewitt, K. (1976), *The Whole College Catalog About Drinking: A Guide to Alcohol Abuse Prevention*, National Institute on Alcohol Abuse and Alcoholism, Maryland.
- Ioreskog, K.G. (1969), “A general approach to confirmatory factor analysis”, *Psychometrika*, Vol. 34, pp. 183 - 202.
- Kremer, M. and Levy, D. (2008), “Peer effects and alcohol use among college students”, *Journal of Economic perspectives*, Vol. 22 No. 3, pp. 189 - 206.
- Luu, B.N. & Nguyễn, T.T. (2018), *Tiêu dùng rượu bia ở Việt Nam, một số kết quả điều tra quốc gia*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
- Makongho, A.M. (2018), “The Effect of Alcohol Use on Academic Performance of College Students”, Seminar Paper.
- MBA Bách Khoa. (2016), “Cách Tính Độ Tin cậy Tổng Hợp Composite Reliability CR trong AMOS”, <https://phantichspss.com/cach-tinh-do-tin-cay-tong-hop-composite-reliability-trong-amos.html>, truy cập ngày 01/04/2021.
- MBA Bách Khoa. (2016), “Cách Tính Phương Sai Trích Average Variance Extracted AVE”, <https://phantichspss.com/cach-tinh-phuong-sai-trich-average-variance-extracted-ave-trong-amos.html>, truy cập ngày 01/04/2021.
- MBA Bách Khoa. (2016), “Cơ sở lý thuyết của mô hình mạng (SEM) – Phần 4. Hỗ Trợ SPSS”, <https://phantichspss.com/co-so-ly-thuyet-cua-mo-hinh-mang-sem-phan-4.html>, truy cập ngày 01/04/2021.
- Pascarella, E.T., Goodman, K.M., Seifert, T.A., Tagliapietra-Nicoli, G., Park, S. & Whitt, E.J. (2007), “College student binge drinking and academic achievement: A longitudinal replication and extension”, *Journal of College Student Development*, Vol. 48 No. 6, pp. 715 - 727.

Paschall, M.J. & Freisthler, B. (2003), "Does heavy drinking affect academic performance in college? Findings from a prospective study of high achievers", *Journal of Studies on Alcohol*, Vol. 64 No. 4, pp. 515 - 519.

Research, A. & Staff, C.R.E. (2018). "Drinking patterns and their definitions", *Alcohol research: current reviews*, Vol. 39 No. 1, p. 17.

Thombs, D.L., Olds, R.S., Bondy, S.J., Winchell, J., Baliunas, D. & Rehm, J. (2009), "Undergraduate drinking and academic performance: A prospective investigation with objective measures", *Journal of studies on alcohol and drugs*, Vol. 70 No. 5, pp. 776 - 785.

Wolaver, A.M. (2002). "Effects of heavy drinking in college on study effort, grade point average, and major choice", *Contemporary Economic Policy*, Vol. 20 No. 4, pp. 415 - 428.